

PHÂN TÍCH NGHÈO ĐA CHIỀU THEO CHUẨN MỚI TẠI TỈNH THÁI NGUYÊN

Hoàng Thị Thu¹, Nguyễn Thị Linh Trang²**Tóm tắt**

Nghiên cứu nhằm đánh giá mức độ nghèo đa chiều theo chuẩn mới trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2023. Dựa vào tính toán của tác giả trên dữ liệu thu thập được từ Sở Lao động thương binh và xã hội tỉnh Thái Nguyên, nghiên cứu đã chỉ ra rằng mặc dù tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh Thái Nguyên vẫn còn cao so với tỷ lệ trung bình của cả nước nhưng nó đã giảm mạnh trong 3 năm qua. Ngoài ra, mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản nhiều nhất được xác định là thu nhập, bảo hiểm y tế, nhà tiêu hợp vệ sinh, sử dụng dịch vụ viễn thông và việc làm. Từ nguyên nhân gây nghèo thu thập được, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp nhằm giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên trong thời gian tới.

Từ khóa: nghèo đa chiều, thu nhập, bảo hiểm y tế, dịch vụ xã hội cơ bản, người nghèo.

ANALYSIS OF MULTI-DIMENSIONAL POVERTY IN THAI NGUYEN PROVINCE BASED ON NEW STANDARDS

Abstract

The study aims to assess the level of multidimensional poverty based on the new standards in Thai Nguyen province in the period of 2021-2023. Based on the author's calculations on data collected from the Department of Labor, Invalids and Social Affairs of Thai Nguyen province, the study has shown that although the poverty rate in Thai Nguyen province is still high compared to the national average, it has decreased sharply in the past 3 years. In addition, the highest level of shortage of basic social services is identified as income, health insurance, hygienic toilets, use of telecommunications services and employment. From the collected causes of poverty, the study proposes a number of solutions to sustainably reduce poverty in Thai Nguyen province in the coming time.

Keywords: multidimensional poverty, income, health insurance, basic social services, poor.

JEL classification: P36, P46, I32.

1. Mở đầu

Nghèo không đơn thuần là nghèo về thu nhập mà còn là thiếu thốn các dịch vụ xã hội cơ bản như giáo dục, nhà ở, việc làm, y tế và công nghệ thông tin (Ravallion và Jalan, 1996; Anand và Sen, 1997; Alkire và Foster, 2011). Trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, Đảng và Nhà nước Việt Nam rất quan tâm tới công tác giảm nghèo và an sinh xã hội. Từ năm 1993 đến nay, Việt Nam đã 8 lần ban hành chuẩn nghèo quốc gia (thay đổi qua các giai đoạn 1993 - 1995, 1995 - 1997, 1997 - 2000, 2001 - 2005, 2006 - 2010, 2011 - 2015, 2016 - 2020, 2021-2025) làm cơ sở xác định đối tượng để thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội và hoạch định các chính sách kinh tế - xã hội của đất nước, khu vực và của từng địa phương. Tuy nhiên, các chuẩn nghèo từ 2015 trở về trước đều đo lường nghèo theo thu nhập (đơn chiều). Năm 2015, Việt Nam đã ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020, đánh dấu bước

quan trọng trong quá trình chuyển đổi phương pháp tiếp cận đo lường nghèo từ đơn chiều dựa vào thu nhập sang đa chiều, trong đó quy định người đáp ứng tiêu chuẩn nghèo của Việt Nam là người đáp ứng một trong hai chuẩn là chuẩn thu nhập hoặc mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản. Quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 được Chính phủ ban hành theo Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 là quy định chuẩn nghèo mới nhất của Việt Nam, đã kế thừa và phát triển chuẩn nghèo giai đoạn 2016-2020 ở một cấp độ cao hơn, bằng việc nâng tiêu chí về thu nhập, tăng chiều tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản và xác định rõ một hộ nghèo phải đáp ứng cả hai tiêu chí thiếu hụt về thu nhập và các chiều dịch vụ xã hội cơ bản. Chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 chính là cơ sở pháp lý mới nhất để các địa phương xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo thụ hưởng các chính sách, chương trình giảm nghèo trên địa bàn tỉnh, đồng thời cũng là cơ sở để xây dựng, triển khai, đánh giá và giám sát

Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững của Việt Nam giai đoạn 2021-2025.

Trải qua gần 40 năm đổi mới toàn diện cùng đất nước, tỉnh Thái Nguyên đã đạt được nhiều thành tích ấn tượng về phát triển kinh tế và xóa đói giảm nghèo. Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2010-2020 tăng liên tục từ 23,8 nghìn tỷ đồng (năm 2010) tăng lên 48 nghìn tỷ đồng năm 2014 và lên tới 116 nghìn tỷ đồng năm 2020 với tốc độ tăng trưởng trung bình cả giai đoạn 2010-2020 là 13,2% (Tổng cục Thống kê, 2011 -2023). Số hộ nghèo và tỷ lệ hộ nghèo ở tỉnh Thái Nguyên có xu hướng giảm mạnh trong giai đoạn 2021-2020, từ 19,0% năm 2010 giảm còn 4,1% năm 2020 do kinh tế phát triển, thu nhập bình quân đầu người trên tháng ở Tỉnh Thái Nguyên tăng mạnh, từ 1,15 triệu đồng năm 2010 lên gấp hơn ba lần là 3,81 triệu đồng năm 2020 (Tổng cục Thống kê, 2011-2023). Tuy nhiên, việc áp dụng chuẩn nghèo đa chiều mới từ năm 2021 đã tạo nên thách thức mới trong công tác giảm nghèo của Tỉnh, khi không chỉ tập trung vào việc giảm nghèo về thu nhập mà còn tập trung giảm nghèo do thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản. Việc phân tích thực trạng nghèo và nguyên nhân dẫn đến nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều mới cho tỉnh Thái Nguyên sẽ giúp tỉnh Thái Nguyên đánh giá đúng hơn về thực trạng nghèo của người dân, đồng thời là cơ sở để xây dựng các chính sách giảm nghèo phù hợp trong từng giai đoạn phát triển của Tỉnh. Bài viết này sẽ trình bày tổng quan về chính sách nghèo đa chiều tại Việt Nam, phân tích thực trạng nghèo của hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên trong giai đoạn 2021-2023 và đề xuất một số giải pháp nhằm giảm nghèo đối với hộ nghèo tại tỉnh Thái Nguyên để hướng đến mục tiêu xóa đói giảm nghèo và phát triển bền vững trong thời gian tới.

2. Tổng quan nghiên cứu

Khái niệm về Nghèo đa chiều

Trên thế giới có nhiều quan niệm khác nhau về nghèo, phụ thuộc vào cách nhìn nhận và cách tiếp cận của từng quốc gia. Trước đây, nghèo thường được hiểu là tình trạng một người hoặc một hộ gia đình có thu nhập thấp hoặc chỉ tiêu thấp hơn tiêu chuẩn tối thiểu được quy định bởi một quốc gia hoặc một tổ chức quốc tế trong khoảng thời gian nhất định (Haughton và Khandker, 2009; Bộ

LĐTBXH, 2005). Nghèo là tình trạng yếu kém về chất lượng sống của những cộng đồng, gia đình, cá nhân so với mức trung bình của xã hội (Đặng Nguyên Anh và Trần Nguyệt Minh Thu, 2017). Nghèo thường gắn liền với tình trạng bất bình đẳng do bị phân biệt, đối xử, thiếu thốn tài nguyên hay khả năng dễ bị tổn thương trước những tác động của sự biến đổi môi trường sống.

Ngày nay, các quốc gia đều thống nhất quan điểm nghèo là một hiện tượng đa chiều, có thể đo bằng tiêu chí thu nhập và các tiêu chí phi thu nhập khác và cần được nhìn nhận là sự thiếu hụt hoặc không được thỏa mãn các nhu cầu cơ bản của con người (Ravallion và Jalan, 1996; Anand và Sen, 1997). Theo quan điểm này, thu nhập hoặc tiền chỉ đóng vai trò phương tiện để có điều kiện sống tốt hơn và phúc lợi của một cá nhân không thể đo lường một cách đơn thuần bởi các cân nhắc về thu nhập mà cần phải dựa trên một số giá trị chung của xã hội và được lựa chọn thông qua kiểm tra công khai để xác định loại nhu cầu cơ bản để đạt được cuộc sống có giá trị. Nghèo đa chiều được hiểu là tình trạng con người không được đáp ứng ở mức tối thiểu các nhu cầu cơ bản trong cuộc sống (Bộ LĐTBXH, 2015; Alkire và Foster, 2011). Theo định nghĩa của Liên hợp quốc (2008, trích trong Bộ LĐTBXH, 2015), “Nghèo đa chiều là thiếu năng lực tối thiểu để tham hiệu quả vào các hoạt động xã hội. Nghèo có nghĩa là không có đủ ăn, đủ mặc, không được đi học, không được khám chữa bệnh, không có đất đai để trồng trọt hoặc không có nghề nghiệp để nuôi sống bản thân, không được tiếp cận tín dụng. Nghèo cũng có nghĩa là không an toàn, không có quyền, và bị loại trừ của các cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng. Nghèo có nghĩa là dễ bị bạo hành, phải sống trong các điều kiện rủi ro, không tiếp cận được nước sạch và công trình vệ sinh”. Mathur (2013) cho rằng nghèo đa chiều là thể hiện tổng hợp các dạng khác nhau của thiếu thốn, thiệt thòi và rủi ro; và người nghèo là người không được tiếp cận với các dịch vụ cơ bản như nước sạch, nhà vệ sinh, nơi ở, sinh kế, y tế, giáo dục, an sinh xã hội; không được trao quyền và có tiếng nói trong xã hội. Nghèo là tình trạng thiếu thốn các tài sản và cơ hội thiết yếu mà mọi người dân đều có quyền được hưởng.

Từ các khái niệm trên, có thể thống nhất được rằng, tình trạng nghèo là sự thiếu hụt hoặc không được thoả mãn các nhu cầu cơ bản của con người. Nghèo đa chiều là sự thiếu hụt hoặc không được thoả mãn các nhu cầu cơ bản về dịch vụ xã hội ở mức tối thiểu của con người ở từng vùng hoặc từng quốc gia.

Đo lường nghèo đa chiều tại Việt Nam

Do mỗi quốc gia có những tiêu chí đánh giá khác nhau về nghèo, không có một chuẩn nghèo áp dụng chung cho tất cả các quốc gia trên thế giới. Chỉ số nghèo đa chiều được xây dựng là tổng của hệ số thiếu hụt từ tất cả các chiều nghèo. Alkire S. và Foster J.E (2007) đưa ra tiêu chí đánh giá nghèo đa chiều với 3 chiều thiếu hụt (là giáo dục, y tế và mức sống); cụ thể hoá thành 10 tiêu chí đo lường mức độ thiếu hụt và chuẩn nghèo được xác định bằng 1/3 tổng số thiếu hụt đó. Phương pháp Alkire –Foster đánh giá nghèo qua nhiều chiều và chỉ số nên có khả năng đánh giá những nhu cầu khác nhau của hộ gia đình, đồng thời giúp xác định sự cấp thiết của một số nhu cầu so với những nhu cầu còn lại. Việc xem xét mức độ đóng góp của từng chiều vào tình trạng nghèo đa chiều tại bất cứ khu vực hay nhóm dân số nào sẽ thể hiện đúng và toàn diện những thiếu hụt căn bản mà người nghèo phải đối mặt. Điều này sẽ giúp công tác thực thi chính sách giảm nghèo có trọng tâm, trọng điểm; hạn chế được những hỗ trợ mang tính chất bình quân đang được thực hiện với cách tiếp cận nghèo đơn chiều.

Tại Việt Nam, nghèo đa chiều được áp dụng theo phương pháp Alkire –Foster của Sabina Alkire và James Foster, bằng cách kết hợp hai tiêu chí cơ bản gồm tiêu chí đo lường thu nhập và các tiêu chí đo lường mức độ thiếu hụt trong tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản. Việt Nam đo lường nghèo ở cấp hộ gia đình do một số chỉ số đo lường nghèo đa chiều là chỉ số chỉ có thể số đo lường ở cấp hộ gia đình mà không có ở cấp cá nhân như điều kiện về nhà ở, nguồn nước, nhà vệ sinh. Việt Nam chính thức áp dụng đánh giá nghèo theo tiếp cận đa chiều từ giai đoạn 2016 – 2020. Theo quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ, chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều ở Việt Nam giai đoạn 2016 - 2020 đáp ứng 1 trong 2 tiêu chí sau: (1) Về thu nhập: Hộ gia đình

có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ đủ 700.000 đồng trở xuống ở khu vực nông thôn và từ đủ 900.000 đồng trở xuống ở khu vực thành thị; hoặc Hộ gia đình ở nông thôn có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 700.000 đồng đến 1.000.000 đồng hoặc Hộ dân ở khu vực thành thị có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 900.000 đồng đến 1.300.000 đồng; (2) Về mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản: Hộ gia đình thiếu hụt từ 03 chỉ số tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân là y tế, giáo dục, nhà ở, điều kiện sống và tiếp cận thông tin.

Năm 2021, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/1/2021 về Quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025. Theo đó, năm 2021 sẽ tiếp tục thực hiện chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Giai đoạn 2022-2025, chuẩn nghèo được xác định như sau: Hộ nghèo ở khu vực nông thôn là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên. Hộ nghèo ở khu vực thành thị là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên. Mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản trong giai đoạn 2022 – 2025 được tiếp cận thông qua 6 chiều (y tế, giáo dục, nhà ở, việc làm, nước sinh hoạt -vệ sinh và thông tin) và được đo lường thông qua 12 chỉ số như thông tin trình bày trong Bảng 1. Mỗi chiều có trọng số ngang bằng, các chỉ số trong từng chiều lại có trọng số bằng nhau và bằng 10 điểm, vì vậy mỗi chỉ số có trọng số bằng 10/120. Mỗi chỉ số có ngưỡng cắt thiếu hụt riêng. Việc xác định mức độ thiếu hụt của mỗi gia đình căn cứ vào tình trạng thực tế của hộ và các thành viên của hộ. Một hộ gia đình có thể thiếu hụt nhiều chỉ số. Hộ gia đình ở trên ngưỡng cắt thiếu hụt của chỉ số nào được coi là thiếu hụt và nhận điểm thiếu hụt tương đương trọng số của chỉ số đó. Bên cạnh điều kiện về mức thu nhập bình quân đầu người như đã trình bày ở phần trên, hộ gia đình được coi là hộ nghèo đa chiều nếu tổng điểm thiếu hụt ít nhất 30 điểm trong 12 chỉ số.

Bảng 1: Mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản giai đoạn 2022 - 2025

Chiều đo lường	Chỉ số đo lường	Ngưỡng thiếu hụt	Trọng số
1. Giáo dục	1. Trình độ giáo dục của người lớn	Hộ gia đình có ít nhất 1 người trong độ tuổi lao động (từ 16 đến 30 tuổi) không tham gia các khóa đào tạo hoặc không có bằng cấp, chứng chỉ giáo dục đào tạo so với độ tuổi.	10/120
	2. Tình trạng đi học của trẻ em	Hộ gia đình có ít nhất 1 trẻ em trong độ tuổi đi học (3 đến dưới 16 tuổi) không được học đúng bậc, cấp học phù hợp với độ tuổi	10/120
2. Y tế	1. Dinh dưỡng	Hộ gia đình có ít nhất 1 trẻ em dưới 16 tuổi suy dinh dưỡng chiều cao theo tuổi hoặc suy dinh dưỡng cân nặng theo tuổi	10/120
	2. Bảo hiểm y tế	Hộ gia đình có ít nhất 1 người từ đủ 6 tuổi trở lên hiện tại không có bảo hiểm y tế.	10/120
3. Nhà ở	1. Chất lượng nhà ở	Hộ gia đình đang sống trong ngôi nhà/căn hộ thuộc loại không bền chắc.	10/120
	2. Diện tích nhà ở bình quân đầu người	Diện tích nhà ở bình quân đầu người của hộ gia đình nhỏ hơn 8m ² .	10/120
4. Nước sinh hoạt và vệ sinh	1. Nguồn nước sinh hoạt	Hộ gia đình không tiếp cận được nguồn nước sạch trong sinh hoạt.	10/120
	2. Nhà tiêu hợp vệ sinh	Hộ gia đình không sử dụng hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh.	10/120
5. Thông tin	1. Sử dụng dịch vụ viễn thông	Hộ gia đình không có thành viên nào sử dụng dịch vụ internet.	10/120
	2. Phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin	Hộ gia đình không có phương tiện nào trong số các phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin: - Phương tiện dùng chung: tivi, radio, máy tính để bàn, điện thoại - Phương tiện cá nhân: Máy tính xách tay, máy tính bảng, điện thoại thông minh.	10/120
6. Việc làm	1. Việc làm	Hộ gia đình có ít nhất một người không có việc làm (người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động, sẵn sàng/mong muốn việc nhưng không tìm được việc làm), hoặc có việc làm công ăn lương nhưng không có hợp đồng lao động.	10/120
	2. Người phụ thuộc trong hộ gia đình	Hộ gia đình có tỷ lệ người phụ thuộc (gồm trẻ em dưới 16 tuổi, người cao tuổi, người khuyết tật đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng) trong tổng số nhân khẩu lớn hơn 50%	10/120

(Nguồn: Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/1/2021 của Chính phủ và Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội)

So với chuẩn nghèo theo tiếp cận đa chiều của giai đoạn 2016 – 2020, quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 đã phát triển mở mức độ cao hơn, thể hiện thông qua ba nội dung sau: Thứ nhất, chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 đã nâng tiêu chí về thu nhập của cả khu vực nông thôn và thành thị so với chuẩn nghèo

giai đoạn 2016-2020 (thu nhập của khu vực nông thôn tăng từ 700.000 đồng/người/tháng lên 1.500.000 đồng/người/tháng; thu nhập của khu vực thành thị tăng từ 900.000 đồng/người/tháng lên thành 2.000.00 đồng/người/tháng). Thứ hai, chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 đã tăng chiều tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản từ 05

chiều lên 06 chiều, bổ sung chiều thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản về việc làm; sửa đổi, bổ sung các chỉ số đo lường các chiều thiếu hụt về y tế, dinh dưỡng, giáo dục, đào tạo, nhà ở, nước sạch, vệ sinh, thông tin và người phụ thuộc trong hộ gia đình. Thứ ba, một điểm mới, rất khác biệt so với chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2016 - 2020 là việc xác định một hộ nghèo, hộ cận nghèo phải đáp ứng cả 02 tiêu chí thiếu hụt về thu nhập và các chiều dịch vụ xã hội cơ bản. Đây là vấn đề mấu chốt, bảo đảm phù hợp với phương pháp luận, bản chất nghèo đa chiều và khắc phục những hạn chế trong việc xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo cũng như việc triển khai thực hiện chính sách đối với hộ nghèo thiếu hụt đa chiều theo Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 31/5/2018 của Chính phủ về một số chính sách đối với hộ nghèo thiếu hụt đa chiều. Việc đo lường và giám sát mức độ thiếu hụt về thu nhập và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân là cơ sở xác định đối tượng để thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội và hoạch định các chính sách kinh tế – xã hội khác giai đoạn 2022 – 2025 của Chính phủ Việt Nam. Giảm nghèo đa chiều là nỗ lực về chính sách của Chính phủ để tác động giảm số lượng đối tượng nghèo ở các khía cạnh khác nhau và cải thiện một thiếu hụt nào đó của chiều nghèo cụ thể.

3. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp thu thập số liệu: Để nghiên cứu về thực trạng nghèo đa chiều và đề xuất giải pháp giảm nghèo đa chiều tại tỉnh Thái Nguyên, tác giả sử dụng thông tin thứ cấp, được cung cấp bởi Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Thái Nguyên, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (LĐTBXH) tỉnh Thái Nguyên, Niên giám thống kê của Việt Nam và của tỉnh Thái Nguyên, các Nghị định, Thông tư quy định chuẩn nghèo đa chiều của Việt Nam. Ngoài các thông tin cung cấp cơ sở khoa học về nghèo đa chiều, nghiên cứu sử dụng các số liệu nghèo (tổng số hộ nghèo, tỷ lệ hộ nghèo, tỷ lệ giảm nghèo và tình hình hộ nghèo thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 – 2023) đã được công bố trong Quyết định phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo năm 2021, 2022 và 2023 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Phương pháp tổng hợp và xử lý số liệu:

Sau khi thu thập được số liệu nghiên cứu, tác giả sử dụng phần mềm Microsoft Excel và các công cụ trên máy tính để xử lý và tổng hợp số liệu theo từng nội dung nghiên cứu.

Phương pháp phân tích thống kê mô tả

là phương pháp nghiên cứu các hiện tượng kinh tế xã hội bằng việc mô tả thông qua số liệu thu thập được. Phương pháp này được sử dụng để phân tích và tổng hợp lý luận về nghèo đa chiều. Sau khi thu thập, xử lý, tổng hợp và tính toán kết quả nghèo đa chiều, tác giả sử dụng phương pháp phân tích để làm rõ thực trạng nghèo và đánh giá nguyên nhân gây nghèo đa chiều của hộ nghèo tại Tỉnh Thái Nguyên.

Phương pháp so sánh được sử dụng trong phân tích thực trạng nghèo tại tỉnh Thái Nguyên thông qua việc đối chiếu các chỉ tiêu liên quan đến nghèo đã được bài viết lượng hoá theo thời gian và theo chỉ tiêu liên quan để xác định xu hướng và mức độ biến động của các chỉ tiêu đó, từ đó đề ra các giải pháp giảm nghèo tối ưu nhất đối với tỉnh Thái Nguyên.

4. Thực trạng nghèo đa chiều tại Tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2023

4.1. Tình hình hộ nghèo tại tỉnh Thái Nguyên

Thái Nguyên là một tỉnh thuộc khu vực trung du miền núi phía Bắc của Việt Nam, có diện tích đất tự nhiên là 3.526,82 km². Dân số của tỉnh Thái Nguyên tại thời điểm 31/12/2023 là khoảng 1,327 triệu người với mật độ dân số là 376 người/km² và 337.487 hộ dân cư. Toàn tỉnh có 9 đơn vị hành chính (3 thành phố và 6 huyện thị) với nhiều dân tộc cùng sinh sống như Kinh, Tày, Nùng, Sán Dìu, Mông, Sán Chay, Dao, Hoa, trong đó dân tộc dân tộc thiểu số chiếm gần 30% dân số toàn tỉnh. Trình độ dân trí không đồng đều; ở các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số trình độ dân trí thấp; việc tiếp thu kiến thức khoa học kỹ thuật để áp dụng vào sản xuất và phát huy lợi thế về địa hình để phát triển nền sản xuất nông lâm nghiệp hàng hóa và phát triển kinh tế trang trại khu vực nông thôn còn hạn chế (UBND tỉnh Thái Nguyên, 2024).

Bảng 2 cho thấy số hộ nghèo và tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh Thái Nguyên có xu hướng giảm xuống qua các năm trong giai đoạn 2021 - 2023.

Số hộ nghèo của tỉnh Thái Nguyên năm 2023 là 10.190 hộ, giảm 50,2% so với số hộ nghèo của tỉnh năm 2021. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều toàn tỉnh cũng đã giảm từ 6,1% (năm 2021) xuống 3,02% vào năm 2023. Năm 2023, tỷ lệ hộ nghèo đa chiều ở khu vực nông thôn là 4,35%, cao hơn nhiều so với mức 0,91% của khu vực thành thị, song nếu xét cả giai đoạn 2021 -2023, khoảng cách này đang giảm dần do tỷ lệ hộ nghèo đa chiều ở nông thôn giảm mạnh từ 8,14% năm 2021 xuống 4,35% năm 2023. Theo báo cáo của UBND tỉnh Thái Nguyên, qua 3 năm 2021-2023 thực hiện hỗ trợ

giảm nghèo, đã có 21300 hộ dân thoát nghèo, tỷ lệ giảm hộ nghèo bình quân hàng năm là 1,26%, vượt so với chỉ tiêu đề ra (1%) của nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XX. Có được những thành quả trên là do tỉnh Thái Nguyên đã tích cực triển khai các biện pháp hỗ trợ dạy nghề vào tạo việc làm cho người nghèo của tỉnh; hỗ trợ khám chữa bệnh và cấp thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo của tỉnh; hỗ trợ giáo dục và đào tạo cho người nghèo; hỗ trợ vay vốn tín dụng ưu đãi từ ngân hàng chính sách xã hội và các nguồn khác; hỗ trợ về nhà ở và các dịch vụ khác.

Bảng 2: Tình hình hộ nghèo và tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh Thái Nguyên

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1. Tổng số hộ dân cư	Hộ	335.514	336.411	337.487
- Khu vực thành thị	Hộ	102.238	125.219	130.743
- Khu vực nông thôn	Hộ	233.276	211.192	206.744
2. Tổng số hộ nghèo	Hộ	20.457	14.624	10.190
- Khu vực thành thị	Hộ	1.476	1.501	1.188
- Khu vực nông thôn	Hộ	18.981	13.123	9.002
3. Tỷ lệ hộ nghèo	%	6,10	4,35	3,02
- Khu vực thành thị	%	1,44	1,20	0,91
- Khu vực nông thôn	%	8,14	6,21	4,35

Nguồn: UBND tỉnh Thái Nguyên các năm 2021- 2024 và tính toán của tác giả

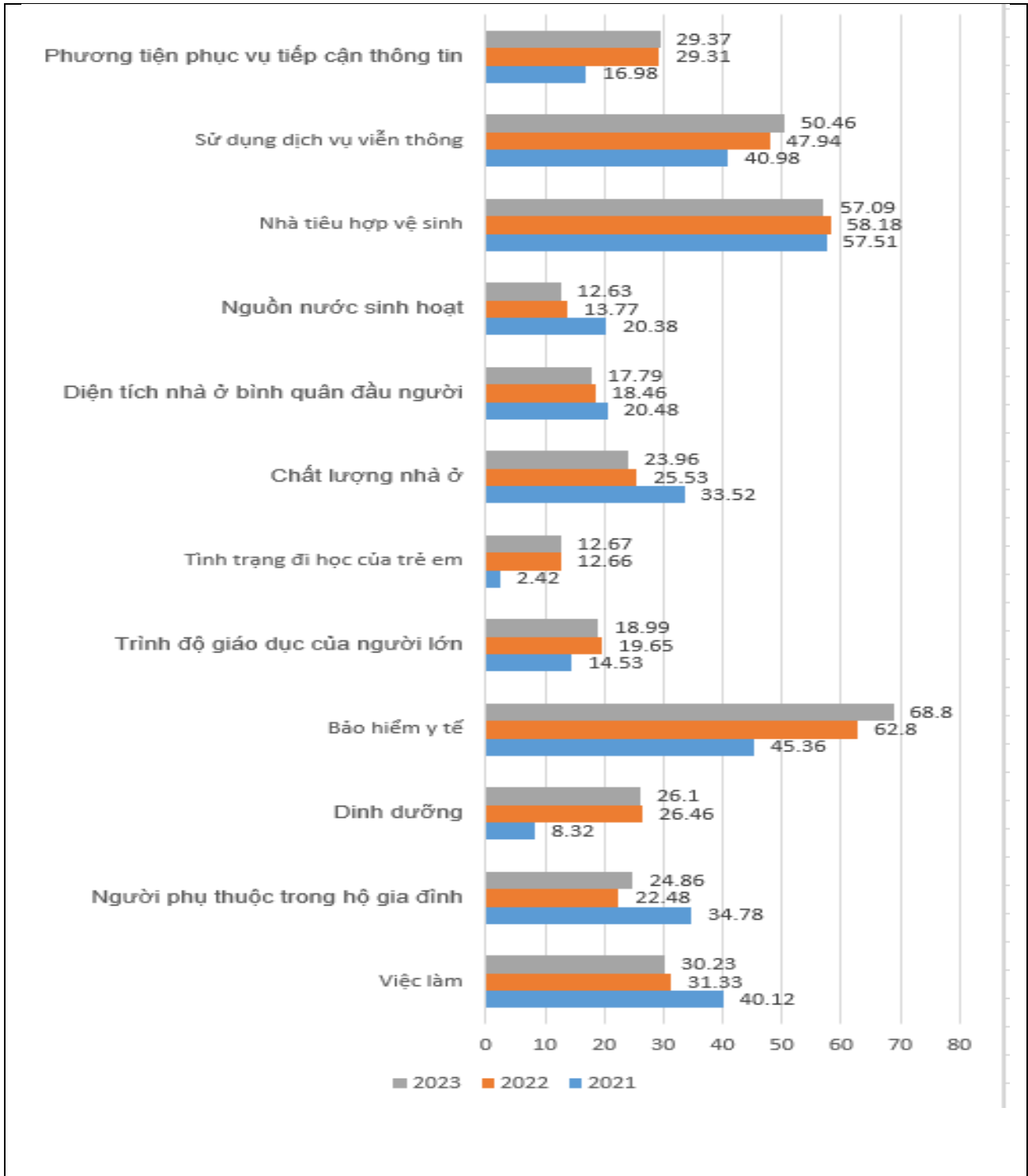
4.2. Tình hình hộ nghèo thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của tỉnh Thái Nguyên

Chỉ số đo lường thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản trong “Quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025” của Việt Nam phản ánh số lượng người nghèo phải chịu đựng một lượng thiếu thốn nhất định và mức độ thiếu thốn mà các hộ gia đình phải chịu đựng.

Trong giai đoạn 2021-2023, mặc dù số hộ nghèo thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của tỉnh Thái Nguyên có xu hướng giảm qua các năm ở đa số các chỉ số, nhưng tỷ lệ hộ nghèo thiếu hụt các chỉ số dịch vụ xã hội cơ bản còn cao so với mặt bằng chung của cả nước. Hình 1 cho thấy, chỉ số “tình trạng đi học của trẻ em” là chỉ số có tỷ lệ thiếu hụt thấp nhất (tỷ lệ thiếu hụt trung bình 3 năm là 9,25%). Điều này cho thấy công tác giáo dục đã dần tiếp cận được với người nghèo. Người nghèo tại tỉnh Thái Nguyên đã có ý thức và coi trọng việc học hành của trẻ em trong gia đình. Đồng thời, chính sách giáo dục đúng đắn của Nhà nước đã đảm bảo cho các em đến độ tuổi đều được

đi học, do vậy tỷ lệ trẻ em không được học đúng bậc, cấp học phù hợp với độ tuổi giảm đáng kể.

Chỉ số có mức độ thiếu hụt nhiều nhất là “bảo hiểm y tế” và đây cũng là chỉ số có mức tăng nhanh nhất, từ 45,36% năm 2021 tăng lên đến 68,8% năm 2023. Nghiên cứu cho thấy nhiều người chưa được tham gia BHYT như người cao tuổi từ 60 đến 79 tuổi, người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình, người thuộc hộ lao động tự do hay hộ cận nghèo. Đối với hộ cận nghèo, nhà nước hỗ trợ một phần chi phí để mua thẻ BHYT nhưng chi phí còn lại thì bên hộ gia đình phải tự chuẩn bị, trong đó những đối tượng cận nghèo cần phải tiết kiệm tiền một cách tối đa nên nếu sức khỏe không có vấn gì thì họ thường không mua thẻ BHYT. Các chỉ số “nhà tiêu hợp vệ sinh” và “sử dụng dịch vụ viễn thông” là nhóm có tỷ lệ thiếu hụt rất cao, từ trên 50% trở lên, nhưng lại gần như không thay đổi qua các năm. Các chỉ số thiếu hụt này tập trung phần lớn trong hộ nghèo ở vùng miền núi với tỷ lệ lên đến 84%.



Hình 1: Tỷ lệ hộ nghèo thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản tỉnh Thái Nguyên (%)

Nguồn: UBND tỉnh Thái Nguyên các năm 2021- 2024 và tính toán của tác giả

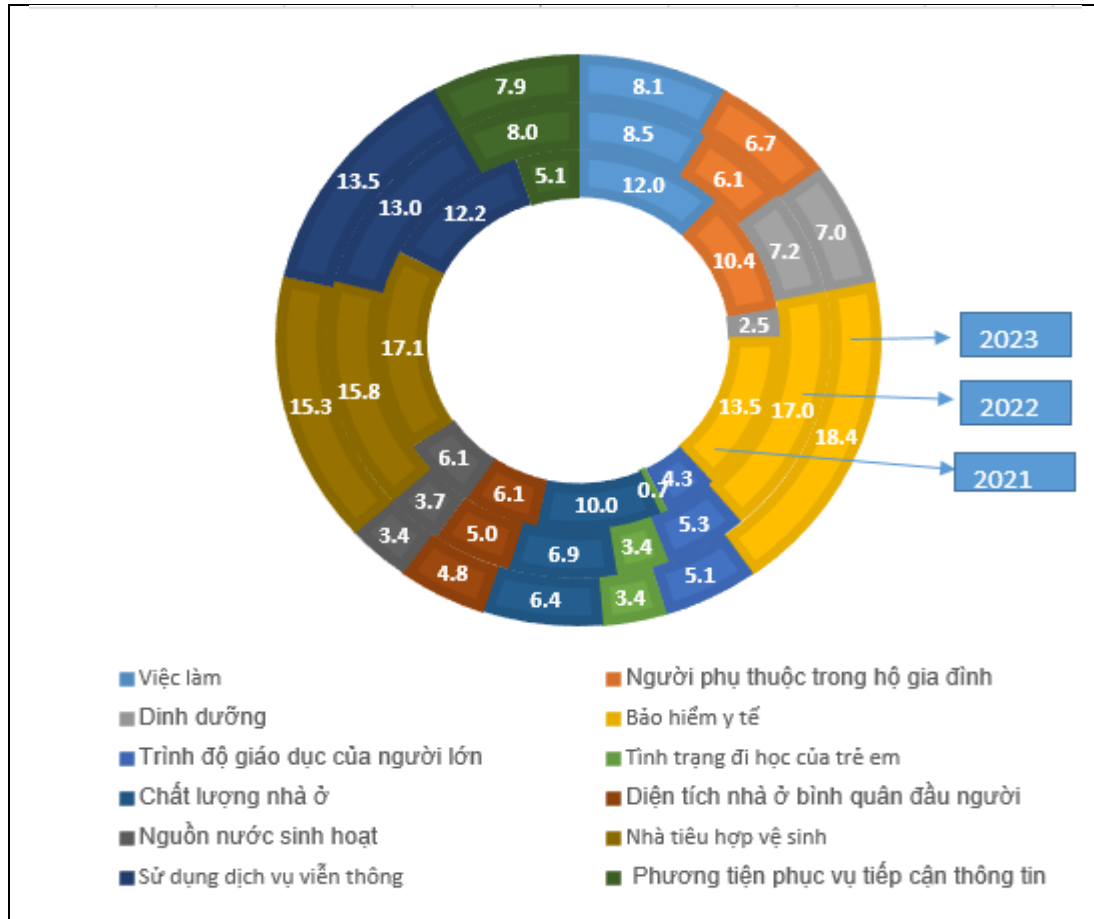
Mức độ đóng góp của các chỉ số thiếu hụt vào tình trạng nghèo đa chiều của tỉnh Thái Nguyên được thể hiện trong Hình 2. Các chỉ số đóng góp nhiều vào mức độ nghèo đa chiều của tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2023 là bảo hiểm y tế (tỷ lệ trung bình là 16,3%), nhà tiêu hợp vệ sinh (16,1%), sử dụng dịch vụ viễn thông

(12,9%) và việc làm (9,5%). Đặc biệt, mức đóng góp vào tình trạng nghèo đa chiều của các chỉ số “bảo hiểm y tế” và “sử dụng dịch vụ viễn thông” có xu hướng ngày càng gia tăng theo thời gian. Điều này cho thấy vẫn còn đó những vấn đề xã hội cần được quan tâm như điều kiện vệ sinh, tiếp cận

công nghệ thông tin, chính sách lao động việc làm và chính sách bảo hiểm y tế dành cho người dân.

Các chỉ số đóng góp thấp nhất vào mức độ nghèo đa chiều của tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2023 là tình trạng đi học của trẻ em (chỉ có tỷ lệ trung bình là 2,5%), nguồn nước sinh hoạt

(4,4%) và trình độ giáo dục của người lớn (4,9%). Kết quả thể hiện những nỗ lực trong giáo dục và nguồn nước sạch cho sinh hoạt trong công cuộc giảm nghèo đa chiều của tỉnh Thái Nguyên trong thời gian qua.



Hình 2: Mức độ đóng góp của các chỉ số thiếu hụt vào tình trạng nghèo đa chiều của tỉnh Thái Nguyên (%)

Nguồn: UBND tỉnh Thái Nguyên các năm 2021- 2024 và tính toán của tác giả

4.3. Phân tích nguyên nhân nghèo của hộ dân tại tỉnh Thái Nguyên

Theo kết quả điều tra phỏng vấn người nghèo của tỉnh Thái Nguyên, có 8 nhóm nguyên nhân dẫn đến nghèo của các hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, trong đó nguyên nhân chính là do không có vốn sản xuất, kinh doanh (chiếm 44,2% tổng số hộ nghèo của tỉnh); gia đình có người ốm đau, bệnh nặng, tai nạn (chiếm 29,6%); không có lao động (29,4%); không có đất sản xuất (28,4%); không có kỹ năng lao động, sản xuất (20,8%) và một số nguyên nhân khác như không có công cụ, phương tiện sản xuất và không có kiến thức sản xuất.

Bảng 3 cũng cho thấy rõ sự khác biệt giữa nguyên nhân nghèo của khu vực thành thị và khu vực nông thôn của người nghèo sống tại thành thị và nông thôn của tỉnh Thái Nguyên. Ở khu vực thành thị, nguyên nhân gây nghèo chủ yếu là do có người ốm đau, bệnh nặng và tai nạn (chiếm 51% tổng số hộ nghèo thành thị). Ngoài ra, không có lao động và không có vốn sản xuất kinh doanh cũng là hai nguyên nhân chiếm tỷ lệ cao gây nên tình trạng nghèo của các hộ dân ở khu vực thành thị. Đối với khu vực nông thôn, nguyên nhân gây nghèo chủ yếu lại là không có vốn sản xuất kinh doanh (chiếm 45,6% tổng số hộ nghèo ở nông thôn), không có đất sản xuất và không có lao động (chiếm hơn 28%).

Bảng 3: Nguyên nhân gây nghèo của hộ nghèo tại tỉnh Thái Nguyên (năm 2023)

Nguyên nhân gây nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo theo nguyên nhân so với tổng số hộ nghèo (%)		
	Toàn tỉnh Thái Nguyên	Khu vực thành thị	Khu vực nông thôn
1. Không có vốn sản xuất, kinh doanh	44,22	33,67	45,61
2. Có người ốm đau, bệnh nặng, tai nạn ...	29,59	51,01	26,76
3. Không có lao động (là hộ gia đình không có thành viên trong độ tuổi lao động hoặc có thành viên trong độ tuổi lao động nhưng mất khả năng lao động)	29,37	38,89	28,12
4. Không có đất sản xuất	28,44	26,60	28,68
5. Không có kỹ năng lao động, sản xuất	20,80	10,27	22,20
6. Không có công cụ, phương tiện sản xuất	16,03	4,63	17,53
7. Không có kiến thức về sản xuất	13,74	14,65	13,62
8. Nguyên nhân khác	3,31	7,07	2,81

Nguồn: UBND tỉnh Thái Nguyên năm 2024 và tính toán của tác giả

5. Giải pháp nhằm giảm nghèo đa chiều tại tỉnh Thái Nguyên

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 xác định: “đặc biệt quan tâm chương trình xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thu hẹp khoảng cách giàu – nghèo giữa các vùng dân cư trên địa bàn tỉnh”. Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu thu được, để thực hiện hiệu quả giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, nghiên cứu này đề xuất một số nhóm giải pháp như sau:

5.1. Nhóm giải pháp hỗ trợ và nâng cao thu nhập cho người nghèo

Một là, Tỉnh Thái Nguyên cần triển khai hiệu quả chính sách tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo, cận nghèo và hộ mới thoát nghèo. Chính sách tín dụng ưu đãi là một trong những chính sách đòn bẩy kinh tế của Nhà nước nhằm giúp người nghèo có điều kiện tiếp cận vốn vay ưu đãi của Nhà nước để phát triển sản xuất, tạo việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống, vươn lên thoát nghèo. Các hộ nghèo trên địa bàn tỉnh chủ yếu vay vốn để phát triển trang trại chăn nuôi, trồng cây ăn quả, cải tạo vườn chè hoặc chuyển sang làm nghề mới như cơ khí, dịch vụ mua bán, chế biến lâm sản. Hộ nghèo cần được tiếp cận với các tổ chức tín dụng hợp pháp (ngân hàng thương mại, quỹ tín dụng nhân dân, ngân hàng chính sách,

các công ty bảo hiểm, công ty tài chính và các tổ chức khác) để tìm hiểu thông tin, tiếp cận các dịch vụ tài chính khi có đủ các điều kiện. Hệ thống các tổ chức tín dụng cần tiếp tục đa dạng hoá các hình thức tín dụng và các sản phẩm tín dụng; thực hiện ưu đãi lãi suất cho vay, thời hạn vay, mức cho vay và hình thức đảm bảo vốn vay phù hợp và linh hoạt cho hộ nghèo; tư vấn nhiệt tình, cụ thể để người nghèo hiểu và làm theo các thủ tục khi tham gia tín dụng, giảm thiểu những thủ tục không cần thiết đối với người nghèo.

Ngoài ra, các tổ chức tín dụng có thể giúp người nghèo quản lý tài chính gia đình bằng công nghệ số bởi các ứng dụng tài chính sẽ giúp hộ nghèo tiếp cận và sử dụng các sản phẩm dịch vụ ưu đãi, chương trình tín dụng chính sách, thủ tục vay vốn, các sản phẩm tiết kiệm của các tổ chức tài chính và kiến thức cơ bản về quản lý tài chính gia đình; giúp khách hàng nâng cao hiểu biết tài chính, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, gia tăng tiết kiệm và quản lý chi tiêu gia đình, từng bước làm quen với công nghệ số.

Thứ hai, Tỉnh Thái Nguyên cần thực hiện tốt việc đào tạo nghề theo nhu cầu xã hội, tạo việc làm, xuất khẩu lao động, cơ hội lập nghiệp cho người nghèo giúp họ ổn định đời sống. Người nghèo đã ý thức được việc học nghề để tìm kiếm việc làm, cập nhật kiến thức khoa học kỹ thuật áp dụng vào sản xuất. Các cơ sở dạy nghề thường xuyên nắm bắt, khảo sát nhu cầu học nghề và

chuyển từ đào tạo theo năng lực sẵn có sang đào tạo theo nhu cầu của người dân, doanh nghiệp và địa phương. Các chương trình đào tạo nghề nên được thiết kế linh hoạt, ngắn gọn, dễ hiểu và vận dụng được vào thực tiễn.

Ngoài ra, Tỉnh cần liên kết các trường đào tạo nghề và các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động để hỗ trợ người lao động thuộc hộ nghèo và cận nghèo được học nghề để xuất khẩu lao động. Họ cần được tham gia và cấp giấy chứng nhận hoàn thành khóa học giáo dục định hướng nghề nghiệp hoặc nâng cao kỹ năng nghề, trang bị những kiến thức, kỹ năng cơ bản trước khi làm thủ tục xuất cảnh đi lao động để tránh bị lừa gạt và nhanh chóng bắt nhịp với yêu cầu công việc của nơi tiếp nhận lao động.

5.2. Nhóm giải pháp cải thiện tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản của người nghèo

Chính quyền tỉnh Thái Nguyên cần tiếp tục hỗ trợ người nghèo được tiếp cận với các chính sách xã hội, dịch vụ y tế, khám chữa bệnh, chia sẻ một phần gánh nặng về chi phí khám chữa bệnh cho người nghèo. Đối với các gia đình già yếu, bệnh tật, thiếu lao động, không có khả năng thoát nghèo, cần vận động xã hội hỗ trợ và thực hiện chính sách xã hội để bảo đảm an sinh xã hội. Về lâu dài, xếp những đối tượng này vào diện bảo trợ xã hội thường xuyên. Đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo cần được hỗ trợ mua bảo hiểm y tế và hỗ trợ gián tiếp để nhóm đối tượng này có điều kiện tiếp cận với dịch vụ y tế có chất lượng ngay tại tuyến cơ sở và tuyến trên khi mắc bệnh. Ngoài ra, cần nâng mức hỗ trợ mua bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo.

Xã hội hoá các dịch vụ cơ bản để giúp các hộ nghèo và cận nghèo được sử dụng nguồn nước sạch trong sinh hoạt, sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh, được tiếp cận và sử dụng dịch vụ viễn thông. Tăng cường hoạt động truyền thông và giáo dục để nâng cao kiến thức, thay đổi hành vi sử dụng nước sinh hoạt và vệ sinh của người dân. Xây dựng các công trình cấp nước đáp ứng nhu cầu của người dân; các địa điểm công cộng có nhà vệ sinh phù hợp với đặc thù của địa bàn. Đầu tư hệ thống thu gom, xử lý rác thải, vệ sinh môi trường nông thôn. Thực hiện các chính sách thụ

hưởng văn hoá, hỗ trợ phương tiện truyền thông theo quy định. Thiết lập các cụm thông tin điện tử công cộng phục vụ thông tin, tuyên truyền và tiếp cận thông tin của nhân dân ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

5.3. Nhóm giải pháp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động thực hiện công tác giảm nghèo bền vững và nâng cao nhận thức của nhóm đối tượng nghèo

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động thực hiện công tác giảm nghèo bền vững, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về nghèo đa chiều, về mục tiêu giảm nghèo bền vững với phương pháp và cách làm phù hợp, tạo sự đồng thuận, chung tay vì người nghèo của cả hệ thống chính trị và Nhân dân trong việc thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững của Việt Nam giai đoạn 2021-2025. Huy động sự tham gia của các cấp, các ngành và các tổ chức thành viên, các cơ quan doanh nghiệp và cá nhân thực hiện “Tháng cao điểm vì người nghèo”, “Tuần lễ cao điểm tết vì người nghèo”, xây dựng và củng cố quỹ tín dụng cho người nghèo, người có thu nhập thấp nhằm giúp họ giảm nghèo.

Tăng cường công tác giáo dục tư tưởng, tuyên truyền nhận thức cho các hộ nghèo tự giác vươn lên thoát nghèo và không tái nghèo trở lại; giáo dục tuyên truyền người nghèo không trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của nhà nước mà không muốn thoát nghèo. Nội dung tuyên truyền tập trung vào hướng dẫn người nghèo kiến thức trong sinh hoạt đời sống và sản xuất như chăm sóc giữ gìn sức khỏe bản thân và gia đình, cách xây dựng kế hoạch chi tiêu trong gia đình, tổ chức sản xuất theo hướng hàng hóa; xây dựng các tấm gương điển hình về giảm nghèo của cá nhân, tập thể, cộng đồng để học tập, chia sẻ và nhân rộng nhằm lan tỏa nhanh và rộng rãi chính sách của nhà nước tới mọi người dân, trong đó có người nghèo.

6. Kết luận

Nghèo đa chiều là một thuật ngữ được sử dụng nhiều trong giai đoạn hiện nay. Khung lý thuyết về chuẩn nghèo đa chiều của Việt Nam giai đoạn 2021-2025 đã ngày càng tiệm cận với lý thuyết về chuẩn nghèo đang áp dụng ở nhiều quốc gia trên thế giới, thông qua việc đo lường nghèo

trên hai góc độ: đo lường sự thiếu hụt thông qua thu nhập và khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân. Việc nghiên cứu, nắm bắt được thực trạng nghèo đa chiều của người dân sẽ giúp cơ quan quản lý đưa ra chính sách hợp lý để giảm nghèo bền vững cho cá nhân và cộng đồng. Với mục tiêu đánh giá thực trạng nghèo trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 của Việt Nam, nghiên cứu đã xác định tỷ lệ hộ nghèo, tỷ lệ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản và mức độ đóng góp của các chỉ số thiếu hụt vào tình trạng nghèo đa chiều của tỉnh Thái Nguyên, từ đó tìm ra nguyên nhân nghèo cho các hộ dân trên địa bàn Tỉnh. Kết quả nghiên cứu cho thấy, mặc dù tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh Thái Nguyên vẫn còn cao so với tỷ lệ trung

bình của cả nước nhưng tỷ lệ hộ nghèo đã giảm mạnh trong 3 năm qua. Bên cạnh sự thiếu hụt về thu nhập, chiều thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản nhiều nhất tại hộ gia đình nghèo của tỉnh Thái Nguyên là bảo hiểm y tế, nhà tiêu hợp vệ sinh, sử dụng dịch vụ viễn thông và việc làm. Nguyên nhân chính dẫn đến nghèo của các hộ dân là không có vốn sản xuất kinh doanh, gia đình có người đau ốm bệnh nặng và thiếu nhân lực lao động để tạo ra của cải vật chất. Tỉnh Thái Nguyên cần nghiên cứu các giải pháp nhằm nâng cao thu nhập, tạo việc làm và huy động nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh để giúp đỡ và hỗ trợ cho người nghèo trên địa bàn tỉnh giảm nghèo và thoát nghèo, qua đó thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Ravallion, M. và J. Jalan. (1996). Growth divergence due to spatial externalities. *Economics Letters*, tập 53, số 2, pp. 227-232.
- [2]. Anand S. và A. Sen. (1997). Concepts of Human Development and Poverty! A Multidimensional Perspective. United Nations Development Programme, Poverty and human development: *Human development papers*, pp. 1-20.
- [3]. Alkire, S và J. Foster. (2011). Understandings and misunderstandings of multidimensional poverty measurement. *The Journal of Economic Inequality*, tập 9, số 2, pp. 289-314.
- [4] Haughton J. and S. R. Khandker. (2009). *Handbook on poverty and inequality*. World Bank Publications.
- [5]. Đặng Nguyên Anh và Trần Nguyệt Minh Thu. (2017). Nghèo đa chiều: Cách tiếp cận và vận dụng trong thực tiễn Việt Nam. *Thông tin Khoa học xã hội*, 3, 3-13.
- [6]. Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội. (2015). *Đề án tổng thể Chuyển đổi phương pháp tiếp cận đo lường nghèo từ đơn chiều dựa vào thu nhập sang đa chiều, áp dụng trong giai đoạn 2016-2020*.
- [7]. Mathur, O. P. (2013). Urban poverty in Asia. Asian Development Bank, Metro Manila, Philippines, 1-122.
- [8]. Alkire, S. and J. Foster. (2007). Counting and multidimensional poverty measurement. *Oxford Poverty and Human Development Initiative (OPHI) Working Paper 7*, University of Oxford.
- [9]. Chính phủ. (2015). *Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 – 2020*
- [10]. Chính phủ (2021). *Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/1/2021 của Chính phủ về việc Quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025*.
- [10]. Chính phủ (2022). *Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/1/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025*.
- [11]. UBND tỉnh Thái Nguyên. (2021). *Quyết định số 4383/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 về việc phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên*.
- [12]. UBND tỉnh Thái Nguyên. (2022). *Quyết định số 3335/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 về việc phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên*.

- [13]. UBND tỉnh Thái Nguyên. (2024). *Quyết định số 118/QĐ-UBND ngày 17/01/2024 về việc phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.*
- [14]. Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội. (2021). Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc *Hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trong bình giai đoạn 2022-2025 và biểu mẫu báo cáo.*
- [15]. Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên. (2020). *Nghị quyết đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh lần thứ XX nhiệm kỳ 2020-2025*, ngày 13/10/2020.
- [16]. Tổng cục Thống kê (2011, 2016, 2019, 2023), *Niên giám thống kê Việt Nam 2010, 2015, 2018, 2020*, Nhà xuất bản Thống Kê, Hà Nội.
- [17]. Chính phủ. (2018). *Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 31/5/2018 của Chính phủ về một số chính sách đối với hộ nghèo thiếu hụt đa chiều.*

Thông tin tác giả:

1. Hoàng Thị Thu

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Kinh tế & QTKD
- Địa chỉ email: thuhttn@yahoo.com

2. Nguyễn Thị Linh Trang

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Kinh tế & QTKD

Ngày nhận bài: 11/12/2024

Ngày nhận bản sửa: 24/12/2024

Ngày duyệt đăng: 29/12/2024